

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-PT
Ngày 31 - 10- 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Diễm Lệ, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”. Do Bản án sơ thẩm số: 52/2022/HNGĐ-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2022/QĐ-PT ngày 14/10/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **A**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 45, đường số 9, Khu E12, Khu dân cư M, Khóm N, Phường O, thành phố P, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị A: Bà Huỳnh Kim Mai, là Luật sư Văn phòng Luật sư Huỳnh Kim Mai, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **B**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 45, đường số 9, Khu E12, Khu dân cư M, Khóm N, Phường O, thành phố P, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông C, sinh năm 1937 (yêu cầu vắng mặt) và bà D, sinh năm 1947, (có mặt); cùng địa chỉ: Quốc Lộ 1A, Khóm Q, Phường R, thị xã S, tỉnh Bạc Liêu.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần E;

Địa chỉ: Số 35, đường T, Phường U, Quận V, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông G - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông H - Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Khách hàng Cá nhân, Ngân hàng Thương mại Cổ phần E - Chi nhánh Bạc Liêu, (yêu cầu vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Anh B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán và ngày 12/11/2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Chị A và anh B chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 3- 4/2022 đến nay. Quá trình chung sống chị A và anh B có một con chung tên K, sinh ngày 15/10/2008, cháu bị bệnh chậm phát triển tâm thần bẩm sinh, không thể tự chăm sóc cho bản thân. Quá trình chung sống chị A và anh B có tài sản, nợ chung như sau: Một căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa 2588, tờ bản đồ số 3, diện tích 69,7m² tại Phường O, thành phố P, tỉnh Bạc Liêu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 456458, ngày 25/8/2015 đứng tên anh B và chị A; đang thế chấp Ngân hàng Thương mại Cổ phần E số tiền 228.800.000 đồng, đến ngày 24/5/2022 đã thanh toán xong nợ Ngân hàng.

Nguyên đơn chị A yêu cầu ly hôn với anh B, yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng không thời hạn; tài sản yêu cầu nhận hiện vật và hoàn lại cho anh B 40% giá trị tài sản, theo giá tại biên bản định giá ngày 10/01/2022, không đồng ý giá tài sản theo Công ty J, vì giá quá cao so với giá thị trường thực tế ở địa phương; yêu cầu chia đôi tiền thuê căn nhà tại Số 133, Khóm N, Phường R, thị xã S, tỉnh Bạc Liêu là 85.600.000 đồng, mỗi người ½ và chia đôi khoản nợ vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần E 228.800.000 đồng. Đến ngày 22/7/2022 chị A có đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia đôi số tiền 85.600.000 đồng và chia đôi khoản nợ vay Ngân hàng 228.800.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh B trình bày: Chị A yêu cầu ly hôn anh B đồng ý; đồng ý giao chị A trực tiếp nuôi cháu Kim; đề nghị được cấp dưỡng theo quy định pháp luật bằng ½ mức lương cơ sở. Nhà đất đứng tên anh chị, đồng ý giao hiện vật căn nhà, quyền sử dụng đất cho chị A và chị A phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh 60% giá trị tài sản, theo giá của Công ty J, không đồng ý giá thị trường của Hội đồng định giá. Nếu chị A không đồng ý trả theo giá Công ty J định, yêu cầu được nhận nhà và đất hoàn trả lại ½ giá trị theo giá của Công ty J định; tiền cho thuê nhà và tiền nợ vay Ngân hàng chị A đã rút lại anh B đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C và bà D cùng thống nhất trình bày: Ông C và bà D là cha, mẹ của anh B, ông bà có nhà đất tại địa chỉ Số

133, Khóm N, Phường R, thị xã S, tỉnh Bạc Liêu cho bà F thuê hàng năm. Tuy nhiên, do ông bà tuổi đã cao, già yếu nên có nhờ anh B đứng tên ký hợp đồng thuê nhà với bà F. Do thấy hoàn cảnh vợ chồng của anh B và chị A khó khăn nên ông bà cho anh B và chị A số tiền thuê nhà để lo cho sinh hoạt chung trong gia đình; tiền thuê nhà đã cho nên không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng Thương mại Cổ phần E, người đại diện theo ủy quyền, ông H trình bày: Anh B và chị A ký hợp đồng tín dụng số D.D.0031.15/HĐTD ngày 06/02/2015 với Ngân hàng vay 396.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, lãi suất 5%/năm, mục đích vay mua nhà ở xã hội thuộc Dự án Khu dân cư giáp khu tái định cư Bến xe - Bộ đội biên phòng đường tránh Quốc lộ 1A. Anh B và chị A nhận nợ vay ngày 13/02/2015 số tiền 371.250.000 đồng và ngày 30/5/2016 nhận số tiền 24.750.000 đồng. Để đảm bảo khoản nợ vay anh, chị thế chấp quyền sử dụng đất thửa 2588, tờ bản đồ số 3, diện tích 69,7m² tọa lạc tại Phường O, thành phố P, tỉnh Bạc Liêu Ủy ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 456458, ngày 25/8/2015 đứng tên B và A. Ngân hàng có yêu cầu anh B và chị A trả nợ cho Ngân hàng, tạm tính đến hết ngày 26/12/2021 tổng số tiền 218.729.280 đồng (nợ gốc 217.800.000 đồng, nợ lãi 929.280 đồng). Tuy nhiên, đến ngày 24/5/2022 anh B và chị A đã tắt toán hết toàn bộ khoản nợ vay, nên ngày 26/5/2022 Ngân hàng có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 52/2022/HNGĐ- ST ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị A và anh B. Về con chung: Giao cháu K, sinh ngày 15/10/2008 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2022) đến khi cháu Kim đủ 18 tuổi và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị A về việc yêu cầu chia đôi số tiền thuê nhà là 85.600.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E về việc yêu cầu anh B và chị A trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng số D.D.0031.15/HĐTD, ngày 06/02/2015.

Giao cho chị A được quyền sở hữu: Quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với phần đất tại thửa 2588, tờ bản đồ số 3, diện tích 69,7m² tọa lạc số 45, Khu E12, Khu Dân cư M, Khóm N, Phường O, thành phố P, tỉnh Bạc Liêu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 456458, do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 25/8/2015 cho anh B và chị A, có vị trí, số đo tứ cạnh cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 2589 (nay là thửa 177 của ông I), có số đo 15,5m.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 2587 (nay là thửa 179 của bà L), có số đo 15,5m.

- Hướng Nam giáp đường số 9, khu dân cư M, có số đo 4,5m.
- Hướng Bắc giáp mương thoát nước, có số đo là 4,5m.

Buộc chị A có nghĩa vụ hoàn lại cho anh B số tiền là 460.634.480 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền đăng ký kê khai lại quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất theo quy định, áp dụng lãi suất trong giai đoạn thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2022, bị đơn anh B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, chỉ đồng ý 1.000.000 đồng/tháng; yêu cầu chia đôi tài sản chung và theo giá của Công ty J đã định.

Tại phiên tòa anh B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Huỳnh Kim Mai bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị A trình bày cho rằng: Anh B kháng cáo chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, lý do mức lương cơ bản của anh thấp là không có cơ sở. Do cháu Kim bị bệnh chậm phát triển tâm thần bẩm sinh, không thể tự chăm sóc cho bản thân, không thể đi học phải có người chăm sóc, nên chi phí nuôi con cao hơn bình thường. Đối với giá trị nhà đất, đã xử chia cho chị A 60% giá trị tài sản, do chị trực tiếp nuôi con và chia theo giá trung bình của cơ quan chuyên môn định giá và giá của Công ty J là phù hợp. Luật sư đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh B giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy anh B kháng cáo không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là không có căn cứ, vì mức cấp dưỡng này cũng chỉ bằng 1/3 tiền lương cơ bản của anh và cháu Kim còn bị bệnh chậm phát triển tâm thần bẩm sinh, không thể tự chăm sóc cho bản thân chi phí nuôi con cao hơn bình thường. Đối với giá trị nhà đất, anh B kháng cáo yêu cầu chia đôi và theo giá của Công ty J định, xét thấy cấp sơ thẩm chia cho chị A 60% giá trị tài sản, do chị trực tiếp nuôi con và chia theo giá trung bình của cơ quan chuyên môn định giá và giá của Công ty J do các bên tranh chấp về giá là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị A và anh B là hợp pháp được pháp luật công nhận và

bảo vệ. Chị A yêu cầu ly hôn, anh B đồng ý, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị A và anh B là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị A và anh B có một con chung là cháu K, sinh ngày 15/10/2008, cháu bị bệnh chậm phát triển tâm thần bẩm sinh, không thể tự chăm sóc cho bản thân. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim, nên cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của chị A và anh B, giao cháu Kim cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B kháng cáo không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, cho rằng chị A có thu nhập cao và lương cơ bản của anh cũng chỉ gần 5.000.000 đồng. Xét thấy: Việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm và đồng thời cũng là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Anh B hiện làm việc tại Đài phát thanh truyền hình tỉnh Bạc Liêu có nguồn thu nhập ổn định, tiền lương cơ bản là 4.880.793 đồng/tháng, trong khi cháu Kim là người bị bệnh chậm phát triển tâm thần bẩm sinh nên chi phí sinh hoạt của cháu Kim cao hơn so với các cháu bình thường khác. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc mức cấp dưỡng cho cháu Kim số tiền 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp không cao.

[3] Về tài sản chung: Chị A và anh B có tài sản chung là quyền sử dụng đất công trình xây dựng gắn liền với đất tại thửa 2588, tờ bản đồ số 3, diện tích 69,7m² tọa lạc tại Phường O, thành phố P, tỉnh Bạc Liêu đã được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 456458, ngày 25/8/2015 đứng tên anh B và chị A. Anh B kháng cáo yêu cầu chia đôi và theo giá của Công ty J định. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A trực tiếp nuôi con bị bệnh chậm phát triển tâm thần bẩm sinh nên nhu cầu về nhà ở là rất cần thiết và đảm bảo điều kiện sinh hoạt, không làm xáo trộn đời sống của cháu Kim. Về công sức đóng góp để hình thành nên tài sản của anh B và chị A là ngang nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ tài sản và chia cho chị A nhiều hơn 60% là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, đảm bảo ưu tiên quyền lợi cho phụ nữ trực tiếp nuôi con. Giá thị trường tài sản do Hội đồng định giá thành phố P, tỉnh Bạc Liêu là 917.996.400 đồng; giá tài sản Công ty J là 1.385.176.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm lấy hai mức cộng lại chia trung bình là 917.996.400 đồng + 1.385.176.000 đồng bằng 1.151.586.200 đồng, là có cơ sở, do các bên không thống nhất về giá, nên áp dụng khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC, ngày 28/3/2014 xác định giá của tài sản tranh chấp, là giá trị trung bình cộng của các mức giá do các đương sự đưa ra là phù hợp. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, là không chấp nhận kháng cáo của anh B giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân và gia đình anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2022/HNGĐ-ST ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị A và anh B.
2. Về con chung:

Giao cháu K, sinh ngày 15/10/2008 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2022) đến khi cháu Kim đủ 18 tuổi và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân.

Về quan hệ tài sản chung:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị A về việc yêu cầu chia đôi số tiền thuê nhà là 85.600.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E, về việc yêu cầu anh B và chị A trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng số D.D.0031.15/HĐTD, ngày 06/02/2015.

Giao cho chị A được quyền sở hữu: Quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với phần đất tại thửa 2588, tờ bản đồ số 3, diện tích 69,7m² tọa lạc số 45, Khu E12, Khu Dân cư M, Khóm N, Phường O, thành phố P, tỉnh Bạc Liêu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 456458, do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 25/8/2015 cho anh B và chị A, có vị trí, số đo tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 2589 (nay là thửa 177 của ông I), có số đo 15,5m.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 2587 (nay là thửa 179 của bà L), có số đo 15,5m.
- Hướng Nam giáp đường số 9, khu dân cư M, có số đo 4,5m.

- Hướng Bắc giáp mương thoát nước, có số đo là 4,5m.

Buộc chị A có nghĩa vụ hoàn lại cho anh B số tiền là 460.634.480 đồng, (bốn trăm sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Chị A có quyền đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2588, tờ bản đồ số 3, diện tích 69,7m² tọa lạc số 45, Khu E12, Khu Dân cư M, Khóm N, Phường O, thành phố P, tỉnh Bạc Liêu, được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 456458, ngày 25/8/2015 đứng tên B và A theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.560.000 đồng, buộc chị A và anh B mỗi người phải chịu 1.780.000 đồng. Chi phí định giá tài sản số tiền 5.850.000 đồng, buộc chị A phải chịu số tiền 3.510.000 đồng, anh B phải chịu 2.340.000 đồng. Tổng số tiền chị A phải chịu là 5.290.000 đồng; Anh B phải chịu 4.120.000 đồng. Chị A đã dự nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng, anh B đã nộp 4.410.000 đồng và đã chi xong, buộc chị A có nghĩa vụ hoàn lại cho anh B số tiền 290.000 đồng, (hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị A phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng); buộc anh B phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng). Án phí dân sự có giá ngạch buộc chị A chịu số tiền 31.638.069 đồng, (ba mươi một triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn sáu mươi chín đồng); buộc anh B phải chịu số tiền 22.425.379 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng). Án phí cấp dưỡng buộc anh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị A đã dự nộp tạm ứng án phí 14.856.000 đồng, theo Biên lai thu số 0007150 ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, chị A phải tiếp tục nộp số tiền 16.857.069 đồng (mười sáu triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn sáu mươi chín đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần E đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.468.000 đồng, (năm triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0007283, ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, nay được hoàn lại toàn bộ.

Án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân gia đình anh B phải nộp 300.000 đồng, anh B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0007838 ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố P;
- CCTHADS thành phố P;
- UBND Phường 8, thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thu Hương